

14	104	Hộ ông: Võ Tấn Anh	GDC	447,7	BHK		
14	105	Hộ ông: Lê Văn Trung	GDC	712,0	BHK	712,0	HNK*
14	106	Hộ bà: Trương Thị Đông	GDC	276,6	ODT		
14	107	UBND thị trấn	TCN	67,5	NTD		
14	108	Hộ ông: Trần Anh Sinh	GDC	712,5	BHK	712,5	HNK
14	109	UBND thị trấn	TCN	748,0	BHK		
14	110	UBND thị trấn	TCN	17,9	NTD		
14	111	UBND thị trấn	TCN	4,8	NTD		
14	112	Hộ ông: Lê Thanh Mai	GDC	790,1	BHK	790,1	HNK
14	113	Hộ ông: Trần Trọng Dũng	GDC	582,4	BHK		
14	114	Hộ ông: Nguyễn Văn Phấn	GDC	896,4	BHK		
14	115	Hộ bà: Phạm Thị Chinh	GDC	797,8	BHK	797,8	HNK
14	116	Hộ ông: Phạm Dân	GDC	1056,6	BHK	1056,6	HNK
14	117	Hộ bà: Thi Thị Xuân Vân	GDC	485,6	BHK	485,6	HNK
14	118	Hộ bà: Nguyễn Thị Thân	GDC	445,0	BHK	445,0	HNK
14	119	Hộ bà: Trương Thị Chuyên	GDC	498,5	BHK	498,5	HNK
14	120	Hộ bà: Trần Thị Phụng	GDC	384,3	BHK	384,3	HNK
14	121	Hộ ông: Nguyễn Ngọc Anh	GDC	320,8	BHK		
14	122	Hộ ông: Nguyễn Thắng Hoa	GDC	381,4	BHK	381,4	HNK
14	124	Hộ ông: Phạm Đầu	GDC	572,9	BHK	572,9	HNK
14	125	Hộ ông: Trần Trọng Dũng	GDC	556,2	BHK	556,2	HNK
14	126	Hộ ông: Nguyễn Pháp	GDC	1476,3	BHK		
14	127	Hộ ông: Nguyễn Văn Lai	GDC	1217,9	BHK	1217,9	HNK
14	128	Hộ ông: Phạm Ngọc Thông	GDC	684,2	BHK	684,2	HNK
14	129	Hộ ông: Nguyễn Tấn Dũng	GDC	456,9	CLN		
14	130	Hộ ông: Đỗ Quang Khánh	GDC	548,9	CLN		
14	131	UBND thị trấn	TCN	4444,6	NTD		
14	132	UBND thị trấn	TCN	533,8	NTD		
14	133	Hộ ông: Phạm Hoanh	GDC	427,9	ODT		
14	134	Hộ bà: Nguyễn Thị Bửu	GDC	508,9	BHK	508,9	HNK*
14	135	Hộ bà: Trần Thị Thôi	GDC	882,2	BHK		
14	136	Hộ bà: Huỳnh Thị Lê	GDC	1802,7	BHK	1802,7	HNK
14	137	Hộ bà: Trần Thị Thôi	GDC	243,0	BHK		
14	138	Hộ bà: Hồ Thị Tùng	GDC	501,2	BHK	501,2	HNK*
14	139	Hộ bà: Võ Thị Khái	GDC	670,9	BHK		
14	140	Hộ bà: Trần Thị Lê	GDC	640,6	BHK		
14	141	Hộ ông: Lê Văn Lai	GDC	2021,2	ODT		
14	142	Hộ ông: Trần Huỳnh	GDC	1869,3	ODT		
14	143	Ông: Đỗ Quang Khánh	GDC	3759,0		3759,0	
		Bà: Trương Thị Trí		300,0	ODT	300,0	ODT*
				3459,0	CLN	3459,0	CLN*

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Tên người sử dụng, quản lý đất	Mã đối tượng sử dụng, quản lý đất	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý về QSDĐ	
				Diện tích (m ²)	Loại đất	Diện tích (m ²)	Loại đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
14	144	UBND thị trấn	TCN	320,3	NTD		
14	145	Hộ bà: Nguyễn Thị Phấn	GDC	2517,3	CLN		
14	146	Hộ ông: Phạm Ngươn	GDC	647,1	BHK	647,1	HNK
14	147	Hộ ông: Nguyễn Dược	GDC	314,7	BHK		
14	148	Hộ ông: Nguyễn Đình Tánh	GDC	534,4	BHK		
14	149	Hộ ông: Phạm Tạ	GDC	151,6	BHK		
14	150	Hộ bà: Nguyễn Thị Nương	GDC	496,5	BHK	496,5	HNK
14	151	Hộ bà: Nguyễn Thị Nương	GDC	182,2	BHK	182,2	HNK
14	152	Hộ ông: Phạm Chánh	GDC	1116,5	BHK		
14	153	Hộ ông: Trương Văn Nhạc	GDC	869,3	BHK	869,3	HNK
14	154	Hộ ông: Phạm Đào	GDC	1114,3	BHK		
14	155	Hộ ông: Phạm Hồng Sơn	GDC	646,7	BHK		
14	156	Hộ ông: Nguyễn Tấn Dũng	GDC	267,4	BHK	267,4	HNK
14	157	Dinh thờ (TDP Phú Bình Tây)	CDS	537,4	TIN		